

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN QUANG HUY

**NGHIÊN CỨU KINH GIÁNG BÚT CỦA THIỆN ĐÀN
CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX**

Chuyên ngành: Hán Nôm
Mã số: 62 22 01 04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ HÁN NÔM

HÀ NỘI, 2016

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phạm Văn Khoái

Phản biện 1: PGS.TS. Dương Tuấn Anh.

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Văn Thịnh.

Phản biện 3: TS. Nguyễn Tuấn Cường.

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

vào hồi.....giờ.....phút, ngày... tháng..... năm 2016.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1- Trần Quang Huy (2012), “Về ba bản kinh giảng bút tiêu biểu trong phong trào Thiện đàn đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Hán Nôm*, Số 6 (115), Hà Nội.

2- Trần Quang Huy (2014), “Giới thiệu về bản kinh giảng bút Hồi xuân nam âm bảo kinh ngoại tập và Phổ Thiện đường”, *Tạp chí Hán Nôm*, Số 3 (124), Hà Nội.

3- Trần Quang Huy (2015), “Quần chân” trong kinh giảng bút của phong trào Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Hán Nôm*, Số 4 (131), Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự có mặt với số lượng lớn kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn vào khoảng thời gian những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một trong những minh chứng cho các hoạt động của Thiện đàn, một hiện tượng tín ngưỡng xã hội cuốn hút đông đảo dân chúng ở giai đoạn lịch sử xã hội và văn hóa lúc bấy giờ. Tìm hiểu kinh giảng bút của Thiện đàn không chỉ nhằm làm rõ các đặc điểm chủ yếu của nhóm văn bản tác phẩm này mà còn cung cấp một nguồn tư liệu thư tịch cho các công trình nghiên cứu về xã hội và văn hóa Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, một giai đoạn lịch sử mang trong mình những đặc điểm của bước chuyển đổi, quá độ về văn hóa xã hội và thường được gọi là giai đoạn giao thời Âu - Á.

Do vậy, chúng tôi chọn vấn đề *Nghiên cứu kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX* làm đề tài nghiên cứu cho luận án tiến sĩ Hán Nôm của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lập danh mục kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam, phân tích các thành tố có trong danh mục đó theo một số chỉ số; từ đó chỉ ra những đặc điểm chính yếu nhất của loại hình văn bản, tác phẩm kinh giảng bút và các giá trị nhiều mặt của chúng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án có các nhiệm vụ sau:

- Thống kê, lập danh mục cũng như tiến hành các công tác văn bản học cần thiết đối với nhóm văn bản, tác phẩm kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam theo các chỉ số.
- Phân tích danh mục, phân tích một số loại cấu trúc chủ yếu của loại hình văn bản tác phẩm kinh giảng bút (cấu trúc tên, cấu trúc sắp đặt, cấu trúc mục lục) để tạo nên một sự hình dung tổng quát về các bộ phận cấu thành một kinh giảng bút;
- Phân tích các đặc điểm của kinh giảng bút trên các phương diện: chủ thể văn bản, đối tượng mà văn bản hướng vào, các vấn đề được văn bản hóa hay các chủ đề nội dung của kinh giảng bút, các thể loại được sử dụng trong kinh giảng bút;
- Khai thác giá trị kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam trên một số phương diện chủ yếu như: giá trị tư liệu, giá trị nội dung và giá trị ngữ văn cho sự tìm hiểu về quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn;
- Biên dịch một số kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là 158 văn bản, tác phẩm kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn có niên đại xác định vào giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu được giới hạn ở hai phương diện sau đây:

- Phạm vi về thời gian: cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mà theo đó, luận án chỉ đề cập đến những văn bản và tác phẩm kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn có niên đại từ năm 1884 đến năm 1945.

- Phạm vi tư liệu: tư liệu kinh giảng bút của Thiện đàn từ hai nguồn: Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án quán triệt các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc sưu tầm, nghiên cứu, khai thác và phát huy vốn thư tịch Hán Nôm phục vụ cho công cuộc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án vận dụng một số phương pháp nghiên cứu cơ bản sau:

- Phương pháp văn bản học Hán Nôm nhằm sưu tập kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn, giám định văn bản và công bố tư liệu.
- Phương pháp nghiên cứu ngữ văn Hán Nôm nhằm phiên âm và dịch nghĩa, phiên Nôm, cũng như các nguyên tắc phân tích văn bản, tác phẩm từ góc nhìn của soạn thảo văn bản.
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp có tính đại diện.
- Cách tiếp cận liên ngành nhằm khai thác và phát huy giá trị nội dung kinh giảng bút Hán Nôm về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng v.v..

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án có những đóng góp mới sau đây:

- Lập danh mục văn bản, tác phẩm kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia Việt Nam có ghi niên đại in ấn từ sau năm 1884 đến năm 1945 theo các chỉ số mang tính thông tin, phục vụ cho việc nắm bắt nguồn tư liệu trên cơ sở đã làm rõ các khái niệm có liên quan đến đối tượng của đề tài.
- Phân tích danh mục theo các chỉ số, làm nổi bật kết cấu tên kinh, cấu trúc sắp xếp và các bộ phận cấu thành của kinh.
- Nêu lên một số đặc điểm cơ bản của văn bản kinh giảng bút trên các phương diện như: chủ thể văn bản, đối tượng văn bản hướng vào cũng như các vấn đề về phương diện thể loại của kinh giảng bút.
- Nghiên cứu giá trị kinh giảng bút trên một số bình diện chủ yếu như: giá trị tư liệu, giá trị nội dung, quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần làm nâng cao nhận thức về giá trị kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn trong vai trò như là một nguồn tư liệu cho việc nghiên cứu các vấn đề về lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của người Việt Nam trong việc vận dụng các nhân tố vốn có trong các điều kiện lịch sử, xã hội cụ thể cho các hoạt động phát triển giáo dục, văn hóa và nâng cao lòng yêu nước cho người dân.

Đề tài đã cung cấp một trải nghiệm lịch sử, thực tiễn giáo dục khuyến thiện, vận động xã hội và tuyên truyền yêu nước mà người Việt đã làm vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX qua văn bản kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn)

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung của luận án được chia làm 4 chương như sau:

- Chương 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và hướng triển khai của luận án*
- Chương 2: *Khảo sát văn bản kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*
- Chương 3: *Chủ thể, chủ đề và thể loại trong kinh giảng bút của Thiện đàn*
- Chương 4: *Giá trị cơ bản trong kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ HƯỚNG TRIỂN KHAÍ CỦA LUẬN ÁN

1.1. Giới thuyết một số từ ngữ và khái niệm được sử dụng trong luận án

1.1.1. Thiện đàn

Thiện đàn 普壇 là khái niệm hay cách gọi được dùng để trợ các đàn được lập ra nhằm hướng con người đến với điều thiện, làm điều thiện theo cách tự trách, cảnh báo, giới trừng con người về đường họa phúc.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Thiện đàn xuất hiện ở nhiều tỉnh thành khác nhau như: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nam Định, Vĩnh Yên v.v.. với nhiều tên gọi cụ thể như: 正心壇 *Chính Tâm đàn*, 樂道壇 *Lạc Đạo đàn*, 會善全 *Hội Thiện đồng*, 普善堂 *Phổ Thiện đường*...

1.1.2. Kinh giảng bút

Kinh giảng bút là khái niệm nhằm trợ hệ thống các văn bản, tác phẩm có tính ngôn từ được hình thành theo quy trình cầu cơ giảng bút mang tính tâm linh, siêu việt do các Quân Chân, Chư Tôn...ban giảng ở các Thiện đàn.

1.1.3. Giới hạn thời gian cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Theo đó, giới hạn những năm cuối thế kỷ XIX được tính từ năm 1884. Ngày 6-6-1884, thực dân Pháp đã ép triều đình Huế ký hòa ước Pa tơ nốt, đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam, chia Việt Nam thành ba miền với ba chế độ khác nhau. Với việc ký điều ước này, nhà nước phong kiến Việt Nam với tư cách là một nhà nước độc lập có chủ quyền đã hoàn toàn sụp đổ. Những năm đầu thế kỷ XX có thể tính đến năm 1945. Tuy giới hạn trên tương đối rộng như sau năm 1920, số Thiện đàn ít dần, kinh được ấn tống cũng ít đi. Do vậy, trên thực tế chỉ những năm cuối thế kỷ XIX và khoảng 20 năm đầu thế kỷ XX là có nhiều kinh nhất.

1.2. Các bình diện có liên quan đến đề tài đã được nghiên cứu

1.2.1. Giới thiệu khái quát có tính điểm tin hay lập danh mục tư liệu Hán Nôm về Thiện đàn

Có thể thấy rằng, một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên có tính giới thiệu khái quát đến kinh giảng bút và Thiện đàn đó chính là tác phẩm *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam*, in tại Nhà in Viễn Đông, Hà Nội năm 1944 của Nguyễn Văn Huyền và được in lại trong sách *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (tập 2) của Nxb. KHXH, Hà Nội, năm 1996. Trong bài viết này, tác giả Nguyễn Văn Huyền đã giới thiệu về cầu tiên - giảng bút, hình thức giảng bút của Thiện đàn.

Đến năm 1989, bài viết “Tìm hiểu phong trào Thiện đàn đối với cuộc vận động ái quốc – Kinh đạo Nam” in trong cuốn hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm* (Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 1989) của tác giả Đào Duy Anh tiếp tục đề cập những điểm cơ bản về kinh giảng bút và Thiện đàn. Đây là một bài viết đã đánh giá sơ bộ về Thiện đàn và hoạt động của Thiện đàn ở Việt Nam. Năm 1993, tác giả Trần Nghĩa và F.Gros đã đồng chủ biên bộ sách có tính thư mục mang tên *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 3 tập đã thu thập nhiều tài liệu về kinh giảng bút Thiện đàn. Đến năm 2000, *Tạp chí Hán Nôm* số 1 (42), thông qua bài viết “Danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn - Hà Nội”, tác giả Vương Thị Hương cho chúng ta biết danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn với 246 tên sách thuộc nhiều thể loại khác nhau như: văn học, sử học, tôn giáo... trong đó cũng đã liệt kê một số tác phẩm kinh giảng bút lưu trữ ở nơi đây.

Năm 2001, tác giả Nguyễn Xuân Diện có bài viết “Về các tác phẩm thơ văn giảng bút hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm in trong *Thông báo Hán Nôm học 2000*, Nxb KHXH, Hà Nội đã đề cập đến số lượng cũng như nội dung, hình thức thể hiện chính (về mặt văn tự và thể loại, minh họa) của các tác phẩm kinh giảng bút đang được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Năm 2003, trong *Thông báo Hán Nôm học*

2002, Nxb. KHXH, Hà Nội, tác giả Mai Hồng đã có bài viết “Đôi nét về văn Thiện đàn (kinh giảng bút)” [34, 210-218], qua đó, lược điểm các tên gọi khác nhau của Thiện đàn như: *Lạc đạo đàn, Chính tâm đàn, Hội Thiện đồng, Khuyến Thiện đàn*, v.v... và tác giả của văn Thiện đàn - kinh giảng bút là thánh, thần, tiên, phật... Cũng trong bài viết này, tác giả đã dẫn dụ thời gian, địa điểm xuất hiện của kinh giảng bút và nhận định phong trào Thiện đàn, ấn loát kinh giảng bút là một phong trào đấu tranh yêu nước chống ngoại xâm dưới hình thức rất đặc biệt mang màu sắc tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc ta trong những năm giáp lai cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

1.2.2. Nghiên cứu, phân tích sơ bộ giá trị kinh giảng bút về văn hóa, tư tưởng

Trên *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (19) năm 1994, qua bài viết “Mượn việc “giảng bút” để lưu hành thơ văn yêu nước”, tác giả Vũ Đình Ngạn và Triệu Triệu đã sơ bộ đề cập đến bối cảnh ra đời của Thiện đàn và kinh giảng bút. Tại Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm năm 2006, tác giả Nguyễn Xuân Diện tiếp tục trình bày một số nội dung tư tưởng chủ đạo của các tác phẩm kinh giảng bút như: kêu gọi lòng yêu nước thương nòi, chấn hưng văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống mới... cũng như bước đầu đưa ra danh sách những Thiện đàn có in ấn kinh giảng bút trong giai đoạn này thông qua tham luận “Văn thơ Nôm giảng bút với việc kêu gọi lòng yêu nước và chấn hưng văn hóa dân tộc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”.

Năm 2011, nghiên cứu sinh cũng bước đầu đánh giá khái quát về quốc văn Nôm trong kinh giảng bút thông qua Luận văn Thạc sĩ với tên đề tài: *Quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của phong trào Thiện đàn đầu thế kỷ XX*

1.2.3. Phân tích và phiên dịch kinh giảng bút của Thiện đàn

Năm 1996, tác giả Vũ Thế Khôi đã có bài nghiên cứu, giới thiệu về đặc điểm, hoạt động của Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn - một trong những địa điểm tiêu biểu về hoạt động giảng thiện, in ấn kinh giảng bút với số lượng lớn và sự nghiệp chấn hưng văn hóa tại Thăng Long với tiêu đề “Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn với sự nghiệp chấn hưng văn hóa Thăng Long” trên *Tạp chí Xưa và Nay* (số 30).

Thông báo Hán Nôm học năm 1996, in bài viết “Văn giảng bút của Trạng Trình ở đền thờ các vua Trần tại xã Tức Mặc”, Nxb. KHXH. 1997, của tác giả Nguyễn Thị Nguyệt. Trong bài viết này, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt phiên âm, dịch nghĩa, giới thiệu qua bài văn giảng bút của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm được khắc trên tấm bia ở đền thờ các vua Trần tại xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định về đặc điểm, cách thức thể hiện và nội dung tư tưởng đi kèm.

Đền Ngọc Sơn và Hội Hướng Thiện vào năm 1997 một lần nữa được nhắc đến với bài viết “Hội Hướng Thiện và đền Ngọc Sơn” đăng trên *Tạp chí Hán Nôm*, Số 4 (33) của tác giả Tảo Trang. Theo đó, tác giả Tảo Trang đã giới thiệu qua các đặc trưng của Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn thời kỳ bấy giờ (người sáng lập, cách thức – nội dung hoạt động, tầm ảnh hưởng trước thời cuộc...). Trong *Thông báo Hán Nôm học* năm 1997 đã in bài “Thơ ca giảng bút và Hồi thuần chân kinh hạ tập”, Nxb, KHXH, 1998, của tác giả Phạm Đức Duật. Bài viết này, tác giả đã giới thiệu cận kề bản kinh *Hồi thuần chân kinh hạ tập* cả về mặt nội dung tư tưởng lẫn các thể loại thể hiện, các vị thần – thánh giảng bút. Năm 1999, tác giả Nguyễn Xuân Diện có bài “Tìm hiểu về Tô Hiến Thành và Văn Hiến đường qua các nguồn thư tịch xưa” đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học *Danh nhân Tô Hiến Thành cuộc đời và sự nghiệp* do Sở Văn hóa Thể thao Hà Tây (cũ) xuất bản nói về danh nhân Tô Hiến Thành và giới thiệu qua về Văn Hiến đường - một trong những cơ sở có hoạt động mạnh về *giảng bút*, in ấn kinh giảng bút.

Năm 2007, Nhà xuất bản Lao động (Hà Nội) ấn hành công trình *Kinh Đạo Nam - thơ văn giảng bút của Văn Hương đệ nhất Thánh Mẫu (Liễu Hạnh) và các vị thánh nữ* do tác giả Đào Duy Anh khảo chứng và Nguyễn Thị Thanh Xuân phiên âm chú thích. Công trình đã giới thiệu khá đầy đủ tác phẩm *Kinh Đạo Nam* – một trong những

bản kinh giảng bút tiêu biểu trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX về mặt phiên âm, dịch nghĩa các văn thơ giảng bút của Vân Hương đệ nhất Thánh Mẫu (Liễu Hạnh) cùng các vị thánh nữ. Năm 2008, một số Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Hán Nôm cũng đã giới thiệu phiên âm, dịch nghĩa và lược điểm một số nội dung chính của một số bản kinh giảng bút. Năm 2010, một lần nữa, Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn và Nguyễn Văn Siêu được tác giả Vũ Thế Khôi đề cập đến dưới góc độ giới thiệu, phân tích tư tưởng văn hóa giáo dục, giáo hóa mọi người hướng thiện, tu dưỡng thành con người phương chính qua bài viết: “Nguyễn Văn Siêu với tư tưởng văn hóa giáo dục của Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn” đăng trên *Tạp chí Hán Nôm*, Số 4 (101).

1.2.4. Một số nhận xét về các công trình liên quan đến đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu bước đầu tập hợp về mặt tư liệu, điểm tin với những bài viết riêng lẻ về từng vấn đề mà các nhà nghiên cứu tùy theo yêu cầu của mình. Phần lớn trong số đó là những bài báo hay một mục nhỏ trong các quyển sách và nhân thể đó mà kinh giảng bút được đề cập.

1.3. Hướng nghiên cứu của đề tài

Từ sự tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, tiếp thu thành tựu của những người đi trước, luận án hướng vào các vấn đề chủ yếu như sau:

- Điều tra, sưu tầm, hệ thống hóa nguồn tư liệu kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn trong hệ thống kho sách Hán Nôm có niên đại được giới hạn vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN), Thư viện Quốc gia Việt Nam (TVQGVN) để lập danh mục các tác phẩm, văn bản kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn; thực hiện công tác văn bản học đối với các văn bản, tác để đảm bảo chất lượng cho nguồn tư liệu nghiên cứu cũng như nắm được bức tranh toàn cảnh của kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn; tiến hành đọc hiểu và phiên âm, dịch nghĩa với các văn bản chữ Hán; phiên Nôm với các văn bản quốc văn Nôm làm tư liệu trực tiếp phục vụ cho công tác nghiên cứu; phân tích danh mục kinh giảng bút lập được theo một số chỉ số sau: bố cục lý tưởng của kinh về phương diện trật tự sắp xếp của các yếu tố thành viên tạo nên kinh giảng bút (kinh lệ, tự, thi ca, dẫn....bạt).

- Nghiên cứu kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX từ góc nhìn của khoa soạn thảo văn bản mà trong đó các bình diện sau đây là cơ bản nhất: +) Xác định chủ thể văn bản kinh giảng bút (Quần Chân, Chư Tiên v.v....); +) Đối tượng hướng vào của văn bản (đàn sinh, viên sinh) và nói rộng ra là các thiện nam, tín nữ, đông đảo tầng lớp nhân dân trong xã hội; +) Các vấn đề được văn bản hóa (tính chủ đề của văn bản); +) Thể thức của văn bản ứng với các vấn đề có liên quan đến thể loại và ngôn ngữ được sử dụng trong kinh giảng bút; +) Giá trị nhiều mặt của loại hình văn bản, tác phẩm kinh giảng bút của Thiện đàn.

Luận án nghiên cứu thực thể kinh giảng bút có tính minh chứng, thể hiện trên hệ thống văn bản được án loát chứ không đi vào nghiên cứu những vấn đề có tính ứng nghiệm của những cuộc cầu cơ giảng bút.

Tiểu kết chương 1

Kinh giảng bút với số lượng lên đến hàng trăm bản hiện đang lưu trữ tại VNCHN và TVQGVN là một trong những minh chứng về một hoạt động tôn giáo tín ngưỡng văn hóa vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã thực sự trở thành đối tượng quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên nhiều phương diện. Trên cơ sở đó đề cập đến các phương diện tư liệu của kinh giảng bút như: đăng ký, giới thiệu danh mục; phân tích đánh giá có tính chất cá biệt, mang tính từng phần.

Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu đã đặt vấn đề khai thác một số chủ đề của kinh như: kêu gọi tinh thần ái quốc, khuyên con người ta tu đức hướng thiện, đề cao vị thế người phụ nữ, văn hóa đạo cương thường, chấn hưng văn hóa dân tộc...

Tiếp thu những kết quả đó, luận án sẽ hướng tới nghiên cứu kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX trên các phương diện như: xác lập nội hàm một số khái niệm căn bản có liên quan đến giảng bút; hệ thống hóa tư liệu kinh giảng bút qua việc lập danh mục cũng như phân tích danh mục theo một số chỉ số cơ bản; phân tích văn bản và tác phẩm kinh giảng bút theo góc nhìn của khoa tạo tác văn bản để từ đó rút ra một số giá trị chủ yếu của kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

CHƯƠNG 2

KHẢO SÁT VĂN BẢN KINH GIẢNG BÚT CỦA THIỆN ĐÀN CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

2.1. Danh mục kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

2.1.1. Nguyên tắc lập danh mục

Như phần mở đầu chúng tôi đã đề cập đến phạm vi nghiên cứu, theo đó về phạm vi thời gian, luận án chỉ đề cập đến những văn bản và tác phẩm kinh giảng bút được thể hiện bằng văn tự Hán Nôm của Thiện đàn có ghi niên đại từ năm 1884 đến năm 1945. Bên cạnh đó, nhằm làm rõ những vấn đề cần nghiên cứu, luận án cũng chỉ giới hạn ở các văn bản kinh giảng bút có ghi niên đại rõ ràng hiện đang lưu trữ tại VNCHN và TVQGVN.

2.1.2. Thông tin trong danh mục

Để danh mục được lập ra chứa đựng nhiều thông tin về văn bản, các chỉ số thông tin sau đây đã được sử dụng cho việc đăng ký một văn bản. Đó là: tên văn bản kinh giảng bút (phiên âm và chữ Hán); niên đại ấn hành; ký hiệu mượn văn bản; hình thức văn bản; khổ văn bản; số trang; nơi in ấn văn bản, số lượng bài giảng bút; số lượng đơn vị giảng bút theo thể loại; ngôn ngữ Hán văn (HV) hay quốc âm (QA) của các văn bản, tác phẩm này.

Ví dụ, với kinh *Bách hạnh thiện thư* có các chỉ số biểu hiện các thông tin về nó như sau: *Bách hạnh thiện thư* 百行善書 (1889), in, VHv.42, 102 tr; 16 x 29cm, đàn Khuyển Thiện (Nam Định), 53 bài giảng bút, trong đó có: 1 văn (HV), 23 tán (HV), 1 tự (HV), 27 thán (HV).

2.1.3. Số lượng kinh giảng bút ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Qua khảo sát tại VNCHN, chúng tôi thấy, ở đây hiện còn lưu giữ 135 bản kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn có niên đại trong phạm vi nghiên cứu của luận án (từ năm 1884 đến năm 1945). Trong khi khảo sát văn bản kinh giảng bút ở VNCHN, chúng tôi thấy có 9 trường hợp cùng một tên gọi nhưng có nhiều ký hiệu khác nhau.

2.1.4. Số lượng kinh giảng bút ở Thư viện Quốc gia Việt Nam

Tại TVQGVN, chúng tôi thống kê được 53 văn bản kinh giảng bút với độ dày 5.786 trang.

2.1.5. Nhận xét và tổng hợp hai nguồn tư liệu để đi đến danh mục chung

Chúng tôi lấy danh mục nguồn VNCHN làm bản vị, tiến hành đối chiếu hai nguồn nhằm đi đến một danh mục chung theo yêu cầu của đề tài. Tình hình cụ thể như sau: Có 12 bản kinh ở TVQGVN trùng với các bản kinh ở VNCHN. Bên cạnh các kinh giữa hai nguồn hoàn toàn trùng nhau như trên đây đã trình bày lại còn có 12 trường hợp chỉ trùng tên nhưng khác nội dung cũng như nhiều chỉ số khác nữa. Sau khi lập thống kê, so sánh toàn bộ các văn bản kinh giảng bút tại hai nguồn: VNCHN và TVQGVN, chúng tôi đã lập được danh mục tổng hợp với **158** bản kinh giảng bút với tổng số **6.109** bài giảng bút (tương đương **18.534** trang), trong đó có **5.843** bài giảng bút có thể loại văn học.

2.2. Các bộ phận cấu thành kinh giảng bút

2.2.1. Trình bày bìa của các kinh giảng bút

Bìa các kinh giảng bút có thể được chia làm hai loại. Loại trang trí đơn giản và loại trang trí có họa tiết. Loại đơn giản chỉ có tên kinh trên nền giấy mà không kèm theo có họa tiết nào. Chẳng hạn như *Tam bảo quốc âm* 三宝國音 (1906), VNv.529.



Ở trang bìa của bản kinh này được chia làm 3 ô rõ rệt:
 -Ô giữa đề: *Tam bảo quốc âm* 三寶國音.
 -Ô bên phải đề: “咸泰, 丙午年, 仲冬, 上浣新鐫 *Thành Thái, Bính Ngọ niên, trọng đông, thượng hoán tân thuyên*. San khắc mới vào tiết thượng nguyên (thượng tuần) tháng trọng đông năm Bính Ngọ niên hiệu Thành Thái (1906)”.
 -Ô bên trái đề: “東塗社天花堂藏板 *Đông Đồ xã Thiên Hoa đường tàng bản*. Bản cất giữ ở Thiên Hoa đường, xã Đông Đồ (nay thuộc huyện Đông Anh – Hà Nội)”.

Rất nhiều kinh mà bìa của chúng có họa tiết đôi phượng châu tên sách như các kinh được dẫn ra làm minh họa ở dưới đây:

+ Bản *Tăng quảng Minh thiện quốc âm chân kinh* 曾廣明善國音真經 (1904), AB.143:



Ở trang bìa của bản kinh này được trang trí hoa văn với đôi phượng (2 con chim phượng) đang uốn lượn châu tên sách (nằm ở thân giữa): “曾廣明善國音真經 *Tăng quảng Minh Thiện quốc âm chân kinh*” nằm ở thân giữa. Phía trên trán là mặt nhật. Xung quanh là đám mây uốn lượn.

Hình thức trang trí hoa văn với đôi phượng (2 con chim phượng) xuất hiện ở trang bìa cũng thấy ở văn bản *Tam vị Thánh Mẫu cảnh thế chân kinh* 三位聖母景世真經 (1906), A.2412 dưới đây:



Ở trang bìa bản kinh này được trang trí hoa văn với trên trán là hình mặt nhật, xung quanh là áng mây lượn quanh. Hai bên xuất hiện đôi phượng châu tên sách (nằm ở thân giữa): “三位聖母景世真經 *Tam vị Thánh Mẫu cảnh thế chân kinh*”.

Có thể thấy rằng, bìa của các kinh với hình ảnh của các linh vật như hình ảnh rồng, phượng và nhất là hình ảnh của phượng thể hiện mối quan hệ của kinh với đạo Mẫu. Ngoài bìa ra, trong nhiều bản kinh còn có hình ảnh của các đức Thánh Mẫu. Những hình ảnh này chủ yếu xuất hiện từ đầu thế kỷ XX khi có các đức Thánh Mẫu tham gia giảng kinh. Bên cạnh đó còn có hình ảnh của đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Dưới đây là hai hình ảnh đó trong *Tăng quảng Minh thiện quốc âm chân kinh* 曾廣明善國音真經 (1904), AB.143:



Bức tranh Quán Thế Âm Bồ Tát và Vân Hương đệ nhất Thánh Mẫu

2.2.2. Cấu trúc tên kinh

Tên các kinh thường là một ngữ danh từ với trung tâm ngữ luôn đặt ở phía cuối. Theo đó chúng tôi phân xuất ra các nhóm văn bản như sau:

2.2.2.1. Nhóm tên kinh có chữ “kinh 經”

Nhóm này gồm 109 văn bản như: *Phù Hựu Đế Quân tỉnh tâm chân kinh* 孚佑帝君醒心真經, AC.62; *Quán Âm giải kiếp giác thế chân kinh* 觀音解劫覺世真經, AC.43 v.v..Trung tâm ngữ là kinh cho ta biết những văn bản kinh giảng bút này là kết quả của các cuộc cầu cầu giảng bút của Thiện đàn theo cơ chế đồng nhân nhận tự, thị độc đọc lại, thị tả chuẩn lại và sau đó được in tổng.

2.2.2.2. Nhóm tên có chữ “lục 錄” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 5 văn bản: *Địch cát bảo lục* 迪吉寶錄, A.1888; *Cổ kim truyền lục* 古今傳錄, VHv.2945; *Phượng Sơn nữ kính bảo lục* 鳳山女敬寶錄, AB.501 v.v..Trung tâm ngữ lục cho biết các văn bản kinh này thường được xây dựng theo lối tập hợp văn bản để thành sách.

2.2.2.3. Nhóm tên có chữ “tập 集” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 5 văn bản: *Kê bút văn sao tập* 乩筆文捎集, in, A.2630; *Phụng họa phụng tiến tập* 奉和奉薦集, in, A.2637; *Phạm Thư trai thi tập* 范書齋詩集, in, A.2828 v.v..Trung tâm ngữ tập cũng như trung tâm ngữ lục cho ta thấy, sự tập hợp các văn bản để hình thành nên sách.

2.2.2.4. Nhóm tên kinh có chữ “thi 詩, phú 賦, huấn 訓” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 4 văn bản: *Liệt phụ thi* 列婦詩, AC.23; *Tỉnh mê phú* 醒迷賦, AB.644; *Phụng họa Lã Tổ quốc âm thi* 奉和呂祖國音詩, AB.590; *Thiên Trường cung huấn* 千長宮訓, AB.302. Trung tâm ngữ của các danh xưng này cho ta biết, các bản kinh giảng bút này thiên về sự tập hợp theo từng thể loại cụ thể.

2.2.2.5. Nhóm tên có chữ “thư 書” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 3 bản: *Bách hạnh thiện thư* 百行善書, VHv.42; *Tạo phúc bảo thư* 造福寶書, A.1864; *Ngọc dụ toàn thư* 玉諭全書, R.5920. Trung tâm ngữ thư thể hiện sự biên tập thành sách từ các tài liệu có được trước đó.

2.2.2.6. Nhóm tên có chữ “văn 文” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 3 văn bản: *Quan Thánh Đế Quân cảnh thế văn* 關聖帝君警世文, AB.119; *Quan Thánh Đế khuyến hiếu văn* 關聖帝勸孝文, AC.441; *Quan Thánh Đế Quân diệu dược linh văn* 關聖帝君妙藥靈文, VHv.1084 (VHv.1085, VHv.1086, VHv.1087, VHv.1088, VHv.1089, AC.547). Trung tâm ngữ văn cho thấy đây là sự tập hợp các bài của Chư Tôn, Liệt Thánh để thành bản kinh giảng bút.

2.2.2.7. Nhóm tên có chữ “biên 編” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 4 văn bản: *Dược Sơn kỷ tích toàn biên* 藥山紀績全編, A.709; *Hiệu đính công quá cách tập biên* 校訂功過格輯編, AC.39 (VHv.2830/1-2); *Công quá cách hiệu biên* 功過格校編, R.1787; *Ngũ thánh kinh*

văn hợp biên 五聖經文合編, R.5072. Trung tâm biên cho thấy đây là sự tập hợp, biên tập các tư liệu thành sách.

2.2.2.8. Nhóm tên có chữ “sám 懺” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 4 văn bản: *Lã tổ tuyết quá tu chân tiên sám* 呂祖雪過修真仙懺, R.1975; *Văn Đế giải ách bảo sám* 文帝解厄寶懺, AC.233; *Ngọc cục tâm sám* 玉局心懺, A.2662; *Ngọc Hoàng kinh sám* 玉皇經懺, R.5066. Nhóm trung tâm ngữ này cho thấy tính sám hối của người đọc kinh.

2.2.2.9. Nhóm tên có chữ “thiên 篇” làm trung tâm ngữ

Nhóm này gồm 3 văn bản: *Ngọc lịch chí bảo thiên* 玉歷至寶篇, AC.46; *Phục Ma pháp sư thiên* 伏魔法師篇, A.2296; *Văn Đế bách hạnh thiên* 文帝百行篇, AC.266. Trung tâm ngữ *thiên* cho thấy sự tập hợp đơn vị văn bản để thành kinh của sách.

2.2.2.10. Nhóm tên kinh có chữ “cáo, bảo cáo, sao truyền, tụng thức”

Nhóm này gồm 8 bản: *Lã Tổ trung hiếu cáo* 呂祖忠孝告, AC.48; *Nhân quả ngọc lịch sao truyền* 因果玉歷抄傳, AC.531; *Thái Thượng cảm ứng thiên tụng thức* 太上感應篇誦式, A.238 (AC.80); *Thanh tâm đồ* 聲心塗, A.2476; *Thánh kinh huấn độc* 聖經訓讀, R.3967; *Thanh tâm đồ* 青心圖, R.5629; *Thanh tâm đồ* 青心圖, R.4309; *Hoạt thế lương phương* 活世良方, R.1788. Trung tâm ngữ loại này thể hiện các văn bản được tập hợp mà ở trong đó, nội dung của nó mang tính huấn đạt của Chư Tôn, Quan Chân.

2.2.2.11. Nhóm tên kinh có các chữ “giải âm, quốc âm, Nam âm, diễn nghĩa, diễn ca” làm trung tâm ngữ

Nhóm tên kinh theo kiểu này gồm 10 bản: *Cảm ứng thiên giải âm* 感應篇解音, AB.116; *Quan Thánh Đế Quân cứu kiếp khuyến thế bảo huấn diễn âm* 關聖帝君救劫勸世寶訓演音, AB.526; *Tam bảo quốc âm* 三宝國音 v.v... Trung tâm ngữ thuộc nhóm này nhấn mạnh vào tính giải âm, diễn nghĩa của kinh, tính chất quốc âm của kinh.

2.2.3. Các bộ phận cấu thành cấu trúc sắp đặt kinh giảng bút

2.2.3.1. Mục lục như là sự thể hiện cấu trúc của kinh giảng bút

Mục lục của chúng cho chúng ta thấy sự sắp xếp, bố trí các bộ phận có trong đó. Từ toàn bộ các kinh được nghiên cứu, một trật tự lý tưởng cho việc sắp đặt các bộ phận của các bộ kinh đã được tái lập một cách ước lệ như sau: “kinh lệ - các đơn vị giảng bút cụ thể”.

2.2.3.2. Kinh lệ, đàn quy

Kinh lệ, đàn quy từ tên gọi của chúng đã cho thấy đây là những chú dẫn có tính quy định cũng như các nguyên tắc trong các quan hệ đối xử với kinh. Cách ghi kinh lệ cũng khác nhau.

2.2.3.3. Tự

Tự 序 là bài tựa cho kinh. Nó còn được gọi là lời nói đầu hay lời giới thiệu được viết ra để thuyết minh cho văn bản.

2.2.3.4. Bạt

Bạt 跋 còn được gọi là hậu tự, hậu ký. Bạt là phần nằm ngoài văn bản của một tác phẩm, được trình bày sau tác phẩm (cuối cuốn sách). Nội dung của bạt nhằm thuyết minh thêm về cuốn sách, về những gì mà bài tựa chưa nói tới hoặc chưa nói hết.

2.3. Phân loại kinh theo cấu trúc sắp đặt

2.3.1. Tiểu nhóm kinh có cấu trúc sắp đặt lý tưởng

Kinh có cấu trúc sắp đặt lý tưởng là kinh có trong mình các bộ phận cấu thành như: “kinh lệ - tự - các thể loại văn học – bạt”. Chỉ có bản kinh: *Nhật tụng luyện thần chân kinh* 日誦練神真經 (1908), in, A.2888 là có trật tự lý tưởng, trong đó bao gồm: 1 lệ, 1 tự, 1 bạt và các thể loại văn học gắn liền với các bài giảng thành viên.

2.3.2. Các kinh có cấu trúc sắp đặt bao gồm tự, bạt và các thể loại văn học

Cấu trúc này gần đạt đến cấp độ lý tưởng. Danh mục bao gồm 25 kinh. Điều này cho thấy, trật tự sắp đặt kinh giảng bút tuy không đạt tới cái gì quá tuyệt đối lý tưởng nhưng các Thiện đàn luôn hướng theo trật tự lý tưởng cho kinh giảng bút.

2.3.3. Các kinh có cấu trúc sắp đặt bao gồm tự và các thể loại văn học

Các kinh có cấu trúc sắp đặt bao gồm *tự* và các thành viên là các thể loại văn học thể hiện trong kinh giảng bút như: *thi, ca, văn, tán, thán* v.v... Đây là tiểu nhóm có số lượng khá đông đảo với 46 đơn vị kinh. Tiểu nhóm này bắt buộc phải có *tự*. Sự có mặt của *tự* với vai trò dẫn dắt, giới thiệu cho kinh đã cho ta thấy cấp độ hoàn chỉnh của kinh.

2.3.4. Các kinh có cấu trúc sắp đặt bao gồm bạt và các thể loại văn học

Tiểu nhóm này bắt buộc trong kinh phải có *bạt*. Sự có mặt *bạt* của kinh cho thấy cách thức tổ chức văn bản mang tính tương đối hệ thống. Những gì mà *tự* cần nói nhưng chưa được thể hiện thì nó có mặt ở trong *bạt*. Số lượng loại này gồm 13 đơn vị kinh.

2.3.5. Các kinh có tự, lệ và các thể loại văn học

Chỉ có 01 đơn vị văn bản kinh giảng bút có cấu trúc sắp đặt như thế này. Đó là: *Tỉnh thân chân kinh* 省身真經, VHv.1051/1-5 (A.2383/1-5; VHv.1051/1-5), có 78 bài giảng bút, trong đó có: 5 ca (HV), 23 thi (HV), 4 thoại (HV), 32 văn (HV), 2 tán (HV), 1 thị (HV), 1 dụ (HV), 1 tự (HV), 2 dẫn (HV), 1 từ (HV), 1 minh (HV), 1 châm (HV), 1 lệ (HV).

2.3.6. Các kinh chỉ có lệ và các thể loại văn học

Chỉ có 02 đơn vị kinh thuộc tiểu nhóm này. Đó là hai trường hợp sau đây: *Tam vị Thánh Mẫu cảnh thế chân kinh* 三位聖母景世真經, A.2412, có 12 bài giảng bút, trong đó có: 7 tán (HV), 3 bảo cáo (HV), 1 lệ (HV) và *Tam vị Thánh Mẫu cảnh thế chân kinh* 三位聖母景世真經, A.2475, có 9 bài giảng bút, trong đó có: 1 huấn (HV), 4 tán (HV), 1 kệ (HV), 2 bảo cáo (HV), 1 lệ (HV).

2.3.7. Các kinh chỉ có các thể loại thành viên

Các kinh thuộc tiểu nhóm này khá lớn với số lượng 35 đơn vị kinh. Tiểu nhóm này cho thấy các đơn vị văn bản được tập hợp trong một kinh chủ yếu.

Bên cạnh những bản kinh giảng bút trên ra còn có một số bản kinh giảng bút bao gồm các bài giảng bút của các bậc tiên, thánh không được thể hiện qua các thể loại văn học (*thi, ca, phú, tự...*).

Tiểu kết chương 2

Qua việc lập danh mục cho thấy, kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ chỉ riêng ở hai nguồn (VNCHN và TVQGVN) đã có đến **158** đơn vị văn bản, tác phẩm kinh giảng bút.

Các bản kinh này có tổ chức của mình về phương diện trình bày cũng như kết cấu. Ở phương diện trình bày, các họa tiết trên bìa văn bản kinh đã cho ta thấy ở mức độ nào đó về tính chất của loại hình văn bản kinh giảng bút như tính trang nghiêm, tính huấn dụ, huấn cáo.

Ở phương diện cấu trúc tên kinh đã làm cho nổi bật tính văn bản *kinh, lục* nhằm khuyến thiện trừ ác, khuyến bảo, huấn thị.

Ở phương diện cấu trúc bố cục, tính chỉnh thể của kinh đã cho ta thấy tính công phu của việc ban kinh. Khi tổ chức văn bản kinh giảng bút, các Thiện đàn rất chú ý đến cấu trúc lớp lang, cấu trúc thành viên trong từng kinh về phương diện tổ chức văn bản kinh giảng bút. Sự có mặt của các yếu tố tạo nên các loại cấu trúc đó đã góp phần rất lớn cho các đấng Quân Chân trong việc huấn dạy các đàn sinh, viên sinh của mình hay cho các thiện nam, tín nữ nói chung.

CHƯƠNG 3

CHỦ THỂ, CHỦ ĐỀ VÀ THỂ LOẠI TRONG KINH GIÁNG BÚT CỦA THIỆN ĐÀN

3.1. Chủ thể của kinh giảng bút

3.1.1. Tính chủ thể và chủ thể của kinh giảng bút

Khác với các văn bản Hán Nôm khác, thật khó có thể nói đến tác giả các bản kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn. Theo quy trình của kinh giảng bút thì kinh giảng bút được các thánh thần, tiên giới ban giảng. Trên mặt văn bản kinh giảng bút có ghi đích danh Chư Tôn, Liệt Thánh, Quần Tiên, Quần Chân v.v.. Chủ thể văn bản là khái niệm được sử dụng trong khi soạn thảo và lưu hành các văn bản có tính nghi thức cao. Với các văn bản có tính nghi thức hành chính như *chiếu*, *dụ* dưới thời phong kiến chẳng hạn. Chúng được những văn thần ở Viện Hàn lâm phụng thảo nhưng khi ban hành, người ta chỉ thấy đây là những văn bản do các đẳng quân vương ban hành, nghiêm nhiên các đẳng quân vương là chủ thể của văn bản.

3.1.2. Những từ điển đạt chủ thể của kinh giảng bút

Theo như những gì ghi lại trên kinh, chủ thể ban hành kinh giảng bút là các đẳng Chư Tôn, Quần Tiên, Liệt Thánh, Quần Chân vâng mệnh Ngọc Hoàng Thượng đế mà ban giảng. Trong luận án này, Quần Chân sẽ được dùng chỉ chủ thể của kinh giảng bút nói chung. *Quần Chân* 群真 là một thuật ngữ nhằm để chỉ những đẳng thánh thần chủ thể giảng bút theo nghi thức của Thiện đàn. Đây là thuật ngữ được dùng trong bản *Thiên thu kim giám chân kinh* 天秋金鑑真經, AB.250. Nghiên cứu 158 văn bản, tác phẩm kinh giảng bút hiện đang lưu trữ tại VNCHN và TVQGVN có ghi niên đại rõ ràng trong giai đoạn từ năm 1884 đến năm 1945, chúng tôi đã phân xuất ra được danh sách xưng hiệu của các Quần Chân tham gia giảng bút. Xưng hiệu của mỗi Quần Chân thường là HV và là một ngữ danh từ, trong đó, trung tâm ngữ là những chữ hay từ biểu thị chức tước, danh hiệu của từng Quần Chân; định ngữ là những chữ, những từ biểu thị tính chất, công năng, quyền uy của Quần Chân đó. Xin được dẫn ra ở đây một số ví dụ có tính minh họa:

3.1.3. Nhóm Quần Chân thuộc Đạo giáo

Trong các tác phẩm kinh giảng bút vào thời đoạn này, Quần Chân thuộc Đạo giáo xuất hiện khá nhiều. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy Quần Chân có xuất xứ từ Đạo giáo gồm 162 vị tiên, thánh như: *Dao Trì Vương Mẫu* 瑤池王母, *Quế cung nguyệt tị* 桂宮月姊, *Dao Trì kim mẫu* 瑤池金母, *Cửu thiên huyền nữ* 九天玄女, *Bảo mẫu đại vương* 保母大王, *Từ Đồng Đế Quân* 梓潼帝君, *Linh Hựu Đế Quân* 靈佑帝君, *Lã Động Tân* 呂洞賓, *Quan Đế* 關帝 v.v..

3.1.4. Nhóm Quần Chân thuộc Phật giáo

Các Quần Chân thuộc Phật giáo xuất hiện trong các tập kinh giảng bút vào thời kỳ này gồm các 55 vị. Đó là các vị như: *Từ Đạo Hạnh* 徐道行, *Thích Ca Như Lai* 釋伽如來, *Liên Trì đại sư* 蓮池大師 v.v..

3.1.5. Nhóm Quần Chân thuộc Nho giáo

Quần Chân thuộc Nho giáo gồm 16 vị như: *Đại hiền Từ Cống* 大賢梓貢, *Đại hiền Từ Du* 大賢梓游, *Tiên hiền Chu thiên tử* 仙賢周天子, *Tiên hiền Trình Y Xuyên phu tử* 仙賢程伊穿夫子 v.v..

3.1.6. Nhóm Quần Chân thuộc đạo Mẫu

Nhóm Quần Chân dạng này gồm 99 vị. Chẳng hạn như: *Đệ nhất Thánh Mẫu* 第一聖母, *Vân Hương đệ nhất Mẫu* 雲鄉第一母, *Vân Hương đệ nhất Thánh Mẫu* 雲鄉第一聖母, *Vân Hương đệ nhất Thánh Mẫu Liễu Hạnh* 雲鄉第一聖母柳杏 v.v.. Qua sự liệt kê ở trên ta thấy, Quần Chân thuộc đạo Mẫu chủ yếu thuộc vào hệ thống Tam phủ, Tứ Phủ. Đạo Mẫu ở Việt Nam được hình thành trên cái nền thờ Nữ thần và Mẫu thần bản địa, rồi tiếp thu ảnh hưởng của Đạo giáo Trung Hoa để đạt đến đỉnh cao là đạo thờ Mẫu Tam Phủ, Tứ Phủ.

3.1.7. Nhóm Quần Chân là các thần có tính huyền thoại và truyền thuyết

Thuộc vào nhóm Quần Chân là các thần có tính huyền thoại và truyền thuyết gồm 22 vị như: *Chử Đồng Tử* 褚童子, *Cao Sơn đại vương* 高山大王, *Cao Mang đại vương* 皋芒大王, *Đổng Thiên đại vương* 董天大王, *Từ Đạo đại vương* 徐導大王, *Tân Viên đại vương* 傘圓大王 v.v..

3.1.8. Quần Chân thuộc Thành hoàng

Gồm 45 vị, chẳng hạn như: *Phụ An tổng Thành hoàng* 阜安總城隍, *Nghĩa Sơn tổng Thành hoàng* 義山總城隍, *Bình Xuyên tổng Thành hoàng* 平穿總城隍, *Hà Tĩnh tổng Thành hoàng* 河靜總城隍, *Quảng tục tổng Thành hoàng* 廣俗總城隍, *Gia Định tổng Thành hoàng* 嘉定總城隍 v.v..

3.1.9. Quần Chân là các nhân vật lịch sử, văn hóa

Thuộc vào phạm trù Quần Chân là các nhân vật lịch sử, văn hóa trước hết phải kể đến lịch đại nhân quân, lịch đại nhân thần, các nhân vật văn hóa gồm 212 vị, như: *Đinh Tiên Hoàng* 丁先皇, *Phùng Bố Cái đại vương* 馮布蓋大王, *Trung Vương* 徵王, *趙王 Triệu Vương*, *Trung Bá vương* 徵伯王 v.v.. Ngoài danh sách các Quần Chân chia theo nhóm trên ra, còn xuất hiện các Quần Chân là tiên, liệt nữ vốn có xuất xứ từ Trung Quốc. Có thể nói, đây là một trong những biểu hiện cho xu hướng tập hợp tín ngưỡng, tôn giáo mới trên tinh thần bản địa hóa. Phản ứng lại thời cuộc bấy giờ. Đó cũng là một trong những cơ sở xã hội lịch sử cho sự nở rộ của các Thiện đàn và kinh giảng bút của Thiện Đàn.

3.2. Tính chủ đề và các chủ điểm nội dung của kinh giảng bút

3.2.1. Tính chủ đề của kinh giảng bút

Là một trong những sản phẩm cụ thể của các hoạt động Thiện đàn nên kinh giảng bút của Thiện đàn tự mang trong mình tính chủ đề, tính hướng đề vào các lĩnh vực của sự cầu xin của người dưới và ban phát của người trên. Các chủ điểm nội dung của kinh giảng bút lại được xác định trong mối quan hệ giữa chủ thể giảng bút và đối tượng hướng vào.

3.2.2. Chủ đề giảng bút của các Quần Chân Tam giáo

Tính chủ đề mà Quần Chân Tam giáo hướng tới tùy thuộc vào các đối tượng hướng vào. Trong quan hệ với cái gọi là “thiện nam, tín nữ”, Quần Chân Đạo giáo và Phật giáo có số lượng lời khuyên lớn hơn cả. Quần Chân giảng bút là *Văn Xương Đế Quân* 文昌帝君, *Phù Hựu Đế Quân* 孚祐帝君, *Huyền thiên thượng đế* 玄天上帝...hay đề cập tới nội dung khuyên con người ta tu đức, hướng thiện.

3.2.2.1. Văn Xương Đế Quân khuyên: “Lấy đức hạnh làm bản lĩnh”

Chủ thể giảng bút thuộc Tam Thánh thường hướng đến các đối tượng là nam giới. Trong đó, Văn Xương Đế Quân thường hướng vào những người thuộc hàng khoa giáp, sĩ tử nói chung nhằm đề cao vấn đề phúc phận, nặng tính giới trù, hiểu thế về mối quan hệ giữa thiện và ác với những lời viết bằng HV đầy vẻ uyên áo và sâu sắc.

3.2.2.2. Quần Chân Phật giáo: “Sắc không và sám hối”

Các Quần Chân thuộc phạm trù Phật giáo lại hướng vào đại chúng, kể cả nam giới và nữ giới với các nội dung liên quan đến các vấn đề của đạo sắc không và sám hối.

3.2.3. Chủ đề đề cập của Quần Chân tín ngưỡng bản địa

Thuộc phạm trù Quần Chân tín ngưỡng bản địa là nhóm các Quần Chân đạo Mẫu, các nhân vật huyền thoại, Thành hoàng, các anh hùng dân tộc, các nhân vật lịch sử, văn hóa. Đối tượng hướng vào của các Quần Chân này vừa là các thiện nam, tín nữ đến đàn và vừa là con dân nước Việt Nam lúc bấy giờ đang chịu cảnh mất nước, cháu con Lạc Hồng chìm trong vòng nô lệ.

3.3. Thể loại có trong kinh giảng bút

3.3.1. Tính thể loại của kinh giảng bút

Kinh giảng bút thể hiện tính huấn giáo của Chư Tôn, Liệt Thánh, Quần Chân, Quần Tiên đối với các đàn sinh, viên sinh theo mối quan hệ chủ thể ban kinh và đối tượng nhận kinh. Để các đối tượng tiếp nhận được ý chỉ của Quần Tiên, Quần Chân, lời giảng phải được tổ chức theo các thể loại vốn được sử dụng trong văn học..

3.3.2. Thể loại văn học trong kinh giảng bút

Qua khảo sát 158 bản kinh giảng bút không trùng nội dung với nhau hiện đang lưu giữ tại VNCHN và TVQG VN, chúng tôi thống kê được 6.109 bài giảng bút, trong đó có 5.843 bài giảng có gắn với thể loại văn học, trong đó có 2.714 bài giảng bút thể hiện bằng HV; 3.129 bài giảng bút thể hiện bằng QA. Tương ứng thể loại và ngôn ngữ được thể hiện qua các số liệu thống kê như sau: *Ca*: 1190 (161 HV, 1029 QA); *Thi*: 1.799 (874 HV, 907 QA); *Thoại*: 193 (178 HV, 15 QA); *Văn*: 137 (160 HV, 22 QA); *Huấn*: 840 (90 HV, 750 QA); *Phú*: 101 (1 HV, 100 QA); *Tán*: 315 (297 HV, 18 QA); *Thị*: 267 (220 HV, 49 QA); *Dự*: 154 (134 HV, 20 QA); v.v.. Có thể thấy, hầu hết thể loại mà kinh giảng bút sử dụng là những thể loại của văn học Hán Nôm đương thời. Hầu như ở thể loại nào cũng được sử dụng ở dạng song ngữ ngoại trừ các thể loại như: *chú*, *sớ*, *minh*, *châm*.

3.4. Tương ứng Quần Chân với thể loại, chủ đề và ngôn ngữ giảng bút

Trên cơ sở nghiên cứu vấn đề trên qua 3 bộ kinh: *Tăng quảng Minh thiện quốc âm* (1904), AB.143; *Tam bảo quốc âm* (1906), VNv.529; *Hồi xuân Nam âm chân kinh* (1910), AB.237, chúng tôi thấy danh sách Quần Chân trong ba bản kinh giảng bút trên hầu như là tiên nữ. Đối tượng họ hướng vào cũng chủ yếu là phụ nữ. Chủ thể Quần Chân tiên nữ lại hướng vào nữ giới và vận dụng nhiều thể loại bằng QA đã làm tăng tính chất giáo huấn nữ của kinh giảng bút.

Tiểu kết chương 3

Chủ thể của văn bản, tác phẩm kinh giảng bút là các Quần Chân. “Thế giới” Quần Chân gồm ba, bốn trăm vị thuộc cả Tam giáo cũng như tín ngưỡng bản địa có mặt trong các kinh giảng bút, một mặt vừa cho ta thấy sự phong phú về phương diện ban giảng, mặt khác còn được xem như là một sự tập hợp mới chưa từng có trên phương diện tư tưởng. “Thế giới” Quần Chân đó giảng bút các kinh có tính chủ đề, theo định hướng hướng thiện, trừng ác, hướng con người ta đến đạo làm người, làm người theo phận sự và trách nhiệm xã hội trong hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ.

Các chủ đề nội dung đó lại được chuyển tải qua hệ thống thể loại văn học phổ biến trong văn học Hán Nôm đương thời. Đó là các thể loại như: *thi*, *ca*, *dự*, *ngâm*, *phú*, *bảo cáo* v.v. Các thể loại đó được sử dụng trong mối liên hệ và tương ứng giữa chủ thể giảng bút, đối tượng hướng vào và các vấn đề được văn bản hóa, ngôn ngữ thể hiện. Đường như ở đây đã diễn ra sự phân vai giữa chủ thể giảng bút với vấn đề được văn bản hóa và việc sử dụng thể loại.

CHƯƠNG 4

GIÁ TRỊ CƠ BẢN TRONG KINH GIÁNG BÚT CỦA THIỆN ĐÀN

CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

4.1. Giá trị tư liệu kinh giảng bút của Thiện đàn

Với số lượng Thiện đàn đông đảo, cơ chế giảng bút in tổng kinh, số lượng đông đảo người được tiếp nhận cho ta thấy, kinh giảng bút của Thiện đàn đóng vai trò như một sự kiện chưa từng của đời sống ngôn ngữ văn học, văn bản, văn hóa Hán Nôm trong những năm giáp lai giữa hai thế kỷ, trong bước chuyển của văn hóa Việt Nam từ truyền thống tới hiện đại, của buổi Âu - Á giao thời, Âu - Á giao thời trong hoàn cảnh nước mất chủ quyền, “vua là tượng gỗ, dân là thân trâu”.

Giá trị tư liệu mà kinh giảng bút của Thiện đàn có được chính là do các đặc điểm mang tính chất nội tại của loại hình văn bản, tác phẩm này. Với cơ chế hình thành kinh giảng bút mà qua đó các vị trong giới Quần Chân vâng mệnh Ngọc Hoàng Thượng đế ban cho người cầu kinh những ngôn từ mang tính thánh thần được hạc bút viết ra trên mâm, liền theo đó cơ chế nhận chữ đã được những người *thị độc* đọc ngay; được những người *thị tả* ghi lại; được những người *chính tả* hiệu chỉnh; được tổ chức khắc in và lưu hành ngay lập tức. Một thế giới Quần Chân với số lượng vài trăm vị đã được lưu trên các trang kinh của Thiện đàn. Thế giới Quần Chân đó vượt cả những nhận thức vốn có của học thuật đương thời trong vòng Tam giáo Nho, Phật, Đạo vì số lượng Quần Chân tín ngưỡng bản địa vừa nhiều, vừa lớn, vừa có xu hướng tăng tiến theo thời gian. Đây là sự tập hợp văn hóa tín ngưỡng tôn giáo mới, vượt khỏi phạm trù Tam giáo truyền thống mang tính bản địa sâu rộng. Kinh giảng bút lại còn được coi là kinh của Đạo Nam. Đạo Nam ấy là đạo của nước Nam, vì con dân nước Nam. Điều này sẽ là một nguồn tư liệu cho những nghiên cứu về tôn giáo tín ngưỡng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Với tính chủ đề hướng thiện của mình, với mục đích huấn thị dạy bảo cho các đàn sinh, viên sinh của mình, kinh giảng bút hướng đến đông đảo các thiện nam tín nữ trong xã hội cho mục đích hướng thiện. Bên cạnh đó cũng hướng tới các mục đích xã hội khác, trong đó có xu hướng hướng người dân vào nhiệm vụ mà cuộc sống và đất nước đặt ra như bảo tồn giống nòi Lạc Hồng, giữ gìn thuần phong mỹ tục. Những gì được phản ánh trong nội dung kinh giảng bút sẽ là nguồn tư liệu về một giai đoạn giao thời Âu - Á, có sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn vào những năm đầu thế kỷ XX.

4.2. Giá trị nội dung trong kinh giảng bút của Thiện đàn

4.2.1. Tính hướng thiện của kinh giảng bút

Hướng thiện, khuyến thiện là đặc trưng cơ bản nhất của kinh giảng bút. Điều này có nguồn gốc từ tính chất nguyên thủy của Thiện đàn và Thiện thư.

4.2.1.1. Hướng thiện của Tam Thánh thuộc phạm trù Thiện thư

Vào đầu thế kỷ XIX và cả thế kỷ XIX nói chung, huấn dạy hướng thiện trước tiên được hướng vào những người trong hàng khoa giáp vốn chỉ là nam giới và chủ thể ban giảng kinh là những vị Chư Tôn, Liệt Thánh thuộc Tam Thánh nằm trong phạm trù Thiện thư mà Tam Thánh ở đây là 3 vị: Văn Xương Đế Quân, Quan Đế, Lã Tổ. Điều này thể hiện rõ nhất trong hoạt động của Hội Hướng Thiện ở đền Ngọc Sơn (Hà Nội). Ví dụ như: trong bản kinh *Đại đồng kinh bảo* 大同經寶, AC.234, thông qua lời văn, Phù Hựu Đế Quân còn gọi cho con người ta phải giữ lấy cái thiện tâm, “càng làm nhiều điều thiện thì càng tốt”. Có như vậy mọi người xung quanh sẽ đến với mình và tất nhiên lúc này ai mà có được “cái tâm” sáng thì “đạo ngày càng rực rỡ” hơn.

4.2.1.2. Hướng thiện của Tam Thánh bản địa hóa

Tính hướng thiện của kinh giảng bút, cũng như đối tượng hướng vào các nội dung được văn bản hóa ở trong kinh giảng bút của Thiện đàn được thể hiện khá rõ qua các bài tựa, bài dụ, bài dẫn của các kinh. Cũng trong kinh *Tăng quảng Minh thiện quốc âm chân kinh* 增廣明善國音真經, AB.143, Đề nghị Thánh Mẫu có lời thoại nói rõ đối tượng hướng vào của kinh là chị em phụ nữ, khuyên phụ nữ như sau: “Tiểu nữ tài hèn trí mọn, học ít nghe ít, không thể khảo xét xưa nay, rộng kê sách vở. Nay đội ơn Tam Thánh mở lượng lòng nhân, triệu chị em tiểu nữ đến đàn. Giá sử nếu không có một lời dụ cho đời, biết lấy gì để báo đáp lại hồng ân Tam Thánh đây. Cho nên ghi lại một thiên Nam âm để khuyên phụ nữ như thế này”.¹

4.2.2. Hướng đến vị thế người phụ nữ

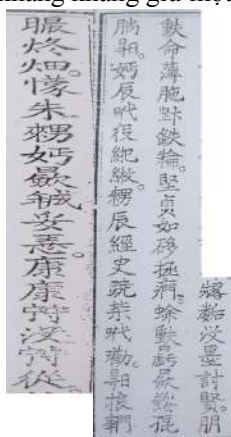
4.2.2.1. Các bình diện nội dung của sự hướng đến

Đối tượng hướng đến là người phụ nữ đã làm cho kinh giảng bút của Thiện đàn là nơi người phụ nữ được nhắc đến nhiều nhất, thường xuyên nhất nếu như ta so sánh vấn đề này giữa văn bản kinh giảng bút với các loại hình văn bản Hán Nôm khác thậm chí nếu so sánh với văn bản nữ huấn. Chủ thể kinh giảng bút của Thiện đàn trong giai đoạn nghiên cứu của luận án phần lớn là các Quân Chân tín ngưỡng bản địa mà trong số đó, Quân Chân thuộc phạm trù đạo Mẫu xuất hiện nhiều nhất với các vị như: *Thánh Mẫu Liễu Hạnh* 聖母柳杏; *Đệ nhị Thánh Mẫu* 第二聖母; *Đệ tam Thánh Mẫu* 第三聖母 v.v.. Mặt khác, sự hướng đến người phụ nữ còn được thể hiện ở phương diện ngôn ngữ văn tự. Chủ thể kinh giảng bút giảng những vấn đề liên quan đến người phụ nữ thường sử dụng QA ghi bằng chữ Nôm.

4.2.2.2. Minh chứng cho sự hướng đến người phụ nữ qua kinh văn

Do số lượng kinh giảng bút hướng đến người phụ nữ có quá nhiều nên ở đây chúng tôi chỉ xin dẫn ra một số ví dụ có tính minh họa được trích từ *Tăng quảng Minh thiện quốc âm chân kinh* 增廣明善國音真經, AB.143 của Đồng Lạc Khuyển Thiện đường, tỉnh Nam Định, được in vào năm Giáp Thìn của niên hiệu Thành Thái (1904).

Dù cho thời cuộc có thay đổi, chồng không may “mệnh bạc”, đạo làm vợ phải luôn “kiên trinh như đá chẳng mòn”, “thờ chồng”, sớm khuya luôn dốc lòng vào công việc hậu phương – “nuôi con tháng ngày” với lòng kiên tụng mong muốn con cái sau này được trưởng thành cho “thỏa lòng”. Để làm được điều đó không gì khác phải “khăng khăng giữ một chữ tòng”:



Trước sau một mực thảo hiền.
Bằng chồng mệnh bạc dạ bền sắt son.
Kiên trinh như đá chẳng mòn.
Thờ chồng khuya sớm nuôi con tháng ngày.
Gái thì dạy việc vá may.
Trai thì kinh sử theo thầy dạy khuyên.
Ngày canh cửa, tối chong đèn.
Mong cho trai gái sớm nên thỏa lòng.
Khăng khăng giữ một chữ tòng...”

(Bài Đề nghị Thánh Mẫu. Ca)

Trong *Tăng quảng Minh thiện quốc âm chân kinh* 增廣明善國音真經, AB.143, Đề nghị Thánh Mẫu cũng đã có khuyên 10 điều phẩm hạnh. Theo đó, đối với tiên tổ, không gì khác, người phụ nữ phải luôn nét na, “phụng sự tổ tiên”, dù cho “bốn mùa tám tiết”, cũng đều phải luôn làm theo tiết lễ, thành kính cúng dâng từ “mâm trái cỗ” cho đến “thịt béo rượu cay”, hễ vào dịp giỗ chạp cũng đều phải “ít nhiều đem dâng”.

¹ Tiểu nữ tài sơ trí thiếu, thiếu học quả văn, bất năng bác khảo cổ kim, hoành kê điển tịch. Tư mông Tam Thánh đại phí bà tâm, triệu tiểu nữ tị mười (16b) lai đàn. Sử vô nhất ngữ dĩ dụ thế, tắc hà dĩ đáp Tam Thánh chi hồng ân hử? Cố thuật Nam âm nhất thiên, dĩ khuyên phụ nữ văn nhĩ.

4.2.3. Phản ánh hiện thực của xã hội

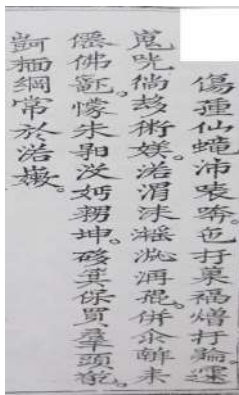
Phản ánh các vấn đề của xã hội đương thời đã làm nên tính hiện thực cho kinh giảng bút. Hiện thực của xã hội lúc bấy giờ là hiện thực của xã hội thực dân nửa phong kiến với tính chất giao thời, trật tự cương thường cũ bị đảo lộn nhưng trật tự mới chưa có. Trong *Bản thiện kinh* 本善經, AB.355, có lời *ngâm* của Trung Liệt đại thần đề cập tới tình hình, thời cuộc, xã hội thời bấy giờ. “Chữ cương thường dần dần một tẻ”, lời *ngâm* ấy nghe sao mà xót xa vậy khi mà trong cuộc sống, hai chữ “cương thường” luôn là vấn đề cốt lõi duy trì trật tự xã hội. Vậy mà giờ đây, nó đã “dần dần một tẻ”.

4.2.4. Lòng yêu nước qua kinh giảng bút

Lòng yêu nước trong kinh giảng bút của Thiện đàn được bộc lộ trên rất nhiều phương diện.

4.2.4.1. Thương giống Tiên Rồng phải héo hon

Coi dân Việt như con đỏ, nhưng trong hoàn cảnh lúc đó, nước mất nhà tan, quốc quyền không còn, kinh *Bảo xích tục biên chân kinh* 保赤續編真經, AB.503 đã diễn tả nỗi niềm yêu nước của mình bằng cách nói như sau:



(tr.14b) Thương giống Tiên Rồng phải héo hon.

Đã vò quả phúc rổ vo tròn.

Mây khói quang thang đi về mẹ.

Nước vị lỗi dồi tắm tước con.

Tính mấy năm rồi Tiên Phật xuống.

Mong cho ngày một gái trai khôn.

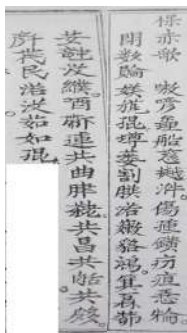
Đá kia bảo mãi còn đầy ngát.

Há mặt cương thường ở nước non...”.

(*Bài Vân Hương đệ tam Thánh Mẫu. Thi*)

Thương giống Rồng Tiên, thương giống vàng là điều đức Thánh Mẫu đau đáu trong tâm can. Thương giống thương nòi, thương dòng máu đỏ người Việt Nam. Điều ấy được thổ lộ bằng những câu mà từ ngữ cũng như cách diễn đạt chan chứa nhiệt huyết, mong mỏi “mong cho ngày một gái trai khôn”.

Cùng với đó, trong những vần thơ giảng của Vân Hương đệ tam Thánh Mẫu còn xuất hiện cả cụm từ “Lạc Hồng”, rồi hình ảnh “trăm trứng nở trong bọc” trong truyền thuyết Lạc Long quân và mẫu Âu Cơ được tái hiện một cách sinh động.



“Ngao ngán lẽ thường từ vượt cạn.

Thương giống vàng đau đón lòng son.

Bấy lâu tròn mẹ vuông con.

Chôn rau cắt rốn, nước non Lạc Hồng.

Kia trăm trứng nở trong một bọc.

Dầu dưới trên cùng khúc ruột già.

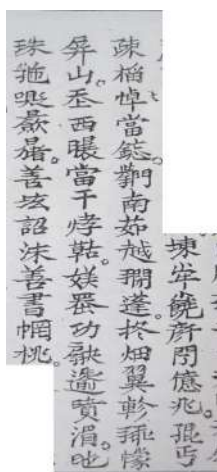
Cùng xương cùng thịt cùng da.

Ngàn đời dân nước một nhà như con”.

(*Bài Vân Hương đệ tam Thánh Mẫu. Bảo xích ca*)

4.2.4.2. “Chong đèn Dục Chấn” soi đường cho con

Thương con dân đất Việt cùng một nguồn, cùng dòng máu mà phải chịu cảnh lầm than, đức Thánh Mẫu đau đớn lắm. Thánh Mẫu quyết “Chong đèn Dục Chấn, quây mừng Bình Sơn”. Đó là cách nói mà đức Thánh Mẫu đã dùng ở trong bản kinh *Bảo xích tục biên chân kinh* 保赤續編真經, AB.503 để nói lên nhiệm vụ của mình là phải soi sáng cho đàn con, dẫn dắt đàn con trên con đường tranh đấu vì giang sơn nước Việt:



Đồng lau nhau nghìn muôn ức triệu.
 Con cái thơ lẻo đẽo đương vòng.
 Cửa Nam nhà Việt bể bồng.
 Chong đèn Dục Chấn, quây mừng Bình Sơn.
 Trời tây nắng đương con héo cỏ.
 Mẹ ra công quạt gió phun mưa.
 Dạ châu bú mớm sớm trưa.
 Thiện đàn chiếu mát, Thiện thư vông đào.
 Mâm với bút nâng niu âm giọng”
 (Bài Văn Hương đệ tam Thánh Mẫu. Ca)

4.3. Quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn

Ta biết rằng, nền quốc văn hiện đại Việt Nam là nền quốc văn ghi tiếng mẹ đẻ bằng văn tự chữ cái (alphabet) còn được gọi là chữ quốc ngữ. Sự tiện lợi của văn tự ghi âm bằng mẫu tự châu Âu ghi tiếng người trong nước - chữ quốc ngữ, đó là điều không phải bàn cãi. Một điều rất thú vị là quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn với một số lượng văn bản, tác phẩm khá lớn là một trong những minh chứng cho đời sống quốc văn Nôm vào giai đoạn có tính chuyển giao đó.

4.3.1. Số lượng quốc văn Nôm trong kinh giảng bút

4.3.1.1. Hai giai đoạn và hai loại quốc văn Nôm trong kinh giảng bút

Quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn sẽ được phân tích cơ sở nghiên cứu danh mục 117 đơn vị văn bản, tác phẩm kinh giảng bút của giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hiện đang lưu trữ tại VNCHN. Đó là cách tiếp cận theo lối nghiên cứu trường hợp. 117 đơn vị văn bản, tác phẩm ấy lại được chia làm 2 giai đoạn. Trong đó, giai đoạn từ năm 1884 đến năm 1907 với 49 đơn vị văn bản, tác phẩm; giai đoạn từ năm 1908 trở về sau gồm 68 đơn vị văn bản, tác phẩm.

Số kinh thuần quốc văn Nôm thuần Nôm của cả hai giai đoạn là 26 đơn vị và số kinh quốc văn Nôm pha HV là 26 đơn vị văn bản, tác phẩm. Tổng hợp hai loại trên là 52 đơn vị văn bản, tác phẩm. Tuy số lượng tuyệt đối không bằng số lượng kinh thuần HV, nhưng kinh giảng bút quốc văn Nôm lại biểu hiện cho xu thế phát triển và khẳng định mình. Từ 3 bản kinh thuần Nôm của trước năm 1908 đến số lượng 23 kinh thuần Nôm của giai đoạn từ năm 1908 trở đi đã biểu thị xu hướng phát triển của quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn. Điều này cho phép nói đến phạm trù quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Dưới đây là danh mục cụ thể của hai loại quốc văn Nôm đó.

4.3.1.2. Danh mục quốc văn Nôm thuần Nôm

Chúng tôi lập được danh sách 26 văn bản, tác phẩm kinh giảng bút.

4.3.1.3. Danh mục quốc văn Nôm pha Hán văn

Chúng tôi lập được danh sách 26 văn bản, tác phẩm kinh giảng bút.

Danh mục hai loại kinh giảng bút thuộc phạm trù quốc văn Nôm là một nguồn tư liệu đáng quý cho việc nghiên cứu đời sống quốc văn Nôm khoảng 20 năm đầu thế kỷ XX và nhất là từ năm 1908 trở đi.

4.3.2. Thể loại quốc văn Nôm trong kinh giảng bút

Trong một phạm vi tư liệu nghiên cứu là 158 kinh, chúng tôi thấy quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn đã sử dụng 25 thể loại như: ca, thi, thoại, văn, huấn, phú, tán, thị, dụ.... Sự gia tăng của văn xuôi trong quốc văn Nôm của Thiện đàn và văn xuôi Nôm ấy lại chiếm chỗ những thể loại có tính quyền uy

như *dụ, luận, tự* v.v... là sự phát triển vượt bậc của quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn so với quốc văn Nôm truyền thống thiên về thơ ca, truyền khẩu.

Cùng với xu thế chuyển từ HV sang quốc văn Nôm trong kinh giảng bút nói chung, sự có mặt của văn xuôi Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn có thể được coi như là một trong những đóng góp lớn lao cho quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn.

Mặt khác có thể thấy rằng, trong nhiều bài văn thơ giảng bút của các Quân Chân còn xuất hiện các điển cố, điển tích góp phần thể hiện sâu sắc những nội dung được văn bản hóa mà các Quân Chân hướng tới các thiện nam, tín nữ như cụm từ “tảo tần”, “sửa túi nâng khăn”, “tam tòng, tứ đức” hay điển tích “Cung Khương”, “Cao Quỳ Tắc Tiết”; rồi điển tích nói tới các đời “Ngu, Hạ, Thương, Chu”...

Tiểu kết chương 4

Giá trị kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã được đề cập trên 3 phương diện chính: Một là giá trị tư liệu của nó. Giá trị tư liệu được thể hiện qua các đơn vị số lượng Thiện đàn và số lượng kinh giảng bút cũng như các vấn đề được văn bản hóa và thể thức ngôn ngữ, thể loại được sử dụng; Hai là giá trị về nội dung được thể hiện trên các phương diện khuyến thiện, văn hóa đạo cương thường, đề cao dân trí, vị thế người phụ nữ cũng như hướng về lịch sử hào hùng qua đó thắt chặt tình đoàn kết, thúc giục tinh thần yêu nước, quật khởi của dân tộc Việt Nam trước thời cuộc bấy giờ; Ba là giá trị của quốc văn Nôm. Quốc văn Nôm đã hành chức ở 25 thể loại và nhất là ở các thể loại văn xuôi Nôm có tính đặc trưng cho kinh giảng bút như: *tự, dẫn, thị, thoại, luận, bặt văn* là sự đột phá của quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

KẾT LUẬN

Từ những nội dung nghiên cứu trong luận án, chúng tôi xin đưa ra một số kết luận sau đây:

1. Kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn đầu cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX (giai đoạn từ năm 1884 đến năm 1945) với số lượng **158** văn bản, tác phẩm (có độ dày **18.534** trang) có niên đại rõ ràng với nội dung không trùng nhau, được thu thập từ hai nguồn, một là từ Viện Nghiên cứu Hán Nôm (117 tác phẩm kinh giảng bút) và hai là từ Thư viện Quốc gia Việt Nam (41 tác phẩm kinh giảng bút) với **6.109** bài giảng bút, trong đó có: **5.843** bài giảng bút có gắn với thể loại văn học (*thơ, thi, ca, phú...*) đã được đề cập đến trong luận án.

2. Kinh giảng bút của Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã được trình bày trong mối liên hệ trực tiếp với việc mô tả cơ chế sản sinh và hình thành chúng. Đó là cơ chế cầu cơ giảng bút với các công cụ của nó như cơ cấu bố trí có tính sắp đặt của một Thiện đàn, kê bàn, kê bút, đồng nhân, thị độc, thị tả, chính tả, khắc in, tổng gửi. Luận án hướng vào nghiên cứu có tính thực chứng trên văn bản kinh giảng bút chứ không đề cập đến phương diện tâm linh giảng bút.

3. Luận án đã lập được danh mục các đơn vị văn bản, đơn vị sách/đơn vị kinh giảng bút của giai đoạn nghiên cứu có ghi niên đại in ấn rõ ràng và xác định. Các đơn vị kinh đó được phân tích theo các tham số sau: chủ thể của văn bản, đối tượng mà văn bản hướng vào, nội dung được văn bản hóa cũng như thể thức và thể loại văn bản. Theo đó, chủ thể của văn bản là Chư Tôn, Quần Tiên, Liệt Thánh, Quần Chân...Đó là những thuật ngữ được dùng để trở những đấng Tiên, Phật, Thánh, Thần vâng lệnh Ngọc Hoàng Thượng đế giảng bút. Đối tượng hướng vào của kinh giảng bút trước hết là các đàn sinh, viên sinh cũng như đông đảo thiện nam tín nữ và người xin kinh. Nội dung được văn bản hóa là những vấn đề được nêu lên hay được đề cập đến trong từng kinh giảng bút. Thể thức văn bản chính là các thể loại văn học được các đấng Chư Tôn, Quần Tiên, Liệt Thánh v.v... sử dụng để giảng bút.

4. Luận án đã xác định hệ thống Chư Tôn, Quần Tiên, Quần Chân v.v.. là chủ thể của kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn trên phương diện phân loại nhóm cũng như phân vai với 2 nhóm lớn: nhóm các Quần Chân thuộc Tam giáo và nhóm Quần Chân tín ngưỡng bản địa. Nhóm Quần Chân thuộc Tam giáo lại chủ yếu thuộc về Đạo giáo và Phật giáo. Các Quần Chân thuộc Đạo giáo mà trung tâm là Tam Thánh (*Văn Xương Đế Quân, Quan Đế, Lã Động Tân*) chủ yếu hướng vào sĩ tử và nam giới nói chung. Văn bản kinh giảng bút ở đây chủ yếu bằng HV nhưng cũng có một số lượng nhất định trong chúng đã được giải âm. Quần Chân thuộc Phật giáo lại hướng vào thiện nam tín nữ có tính đại chúng. Chủ thể văn bản là các đấng Phật có tính dân gian hóa như Hương Tích Quán Âm Bồ Tát. Nội dung đề cập cũng mang tính thần khuyến thiện, phổ giác, rằng thuyền từ của Phật sẽ chở hết chúng sinh đến cõi cực lạc. Ngôn từ sử dụng có thiên hướng nhằm vào quốc âm hơn là chữ Hán.

5. Quần Chân tín ngưỡng bản địa bao gồm các nhân vật truyền thuyết và lịch sử như *Tân Viên sơn thánh, Chử Đồng Tử, Đồng Thiên vương, Thành hoàng của các địa phương, Đình Tiên Hoàng*...và các Quần Chân thuộc đạo Mẫu lại hướng vào con dân nước Việt nói chung. Các Quần Chân thuộc đạo Mẫu lại chủ yếu hướng vào phụ nữ, đặt ra các vấn đề cho các bà, các chị những vấn đề về đời sống gia đình, xã hội lúc bấy giờ. Ngôn từ sử dụng chủ yếu bằng quốc âm/Nam âm.

6. Qua nghiên cứu ở trên cho thấy, chủ thể của kinh giảng bút trong phong trào Thiện đàn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vừa chung với kinh giảng bút của Thiện đàn, Thiện thư nói chung, song nó cũng có những nét riêng của mình. Khi mà danh sách Quần Chân, đối tượng hướng đến có sự dịch chuyển qua từng giai đoạn và ứng với nó là bối cảnh xã hội thời bấy giờ.

7. Xu hướng tập hợp lực lượng mới qua chủ thể giảng bút Nho, Phật, Đạo kết hợp với tín ngưỡng dân gian thờ đạo Mẫu đã thể hiện rõ nét, khi mà thời kỳ đầu, chủ thể giảng bút chủ yếu là các vị tiên thánh có xuất xứ từ Thiện thư như: *Văn Xương Đế Quân, Phù Hựu Đế Quân...* với nội dung chủ yếu là khuyên con người ta tu đức, hướng thiện, làm những điều thiện để gặp điều lành. Và càng vào giai đoạn sau này, chủ thể giảng bút gồm những vị tiên nữ, liệt thánh có nguồn gốc từ đạo Mẫu như: *Vân Hương Đế nhất Thánh Mẫu, Vân Hương Đế nhị Thánh Mẫu, Liễu Hạnh công chúa...* xuất hiện ngày một nhiều hơn, chiếm đa phần trong số các Quần Chân giảng bút đầu thế kỷ XX. Các vấn đề đặt ra trong kinh mang tính lịch sử và thời cuộc, phản ánh những biến đổi của xã hội Việt Nam buổi Âu - Á giao thời.

8. Bản địa hóa chủ thể kinh giảng bút là xu hướng chủ yếu của kinh giảng bút đầu thế kỷ XX. Các Quần Chân là nhân vật lịch sử - văn hóa được thần thánh hóa đã “soán” vị trí độc tôn của các Quần Chân Thiện thư trong các văn bản, tác phẩm kinh giảng bút. Thể hiện rõ nhất là việc xuất hiện các Quần chân như: *Trung Thử vương, Trung Bá vương, Đông Ngạc tiết phụ, Kim Hoa học sĩ Ngô Liệt nữ v.v..*

9. Sự thể hiện của các chủ thể văn bản trên mặt kinh cũng như các vấn đề được văn bản hóa từ các kinh cho thấy kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn ở một mức độ nhất định đã phản ánh một sự tập hợp lực lượng mới vượt lên cách nói truyền thống Nho, Phật, Đạo tịnh hành mà hơn thế nữa là sự tập hợp của Nho, Phật, Đạo với các yếu tố dân gian, bản địa, lịch sử dân tộc, lịch sử quốc gia.

10. Các thể loại được sử dụng trong kinh giảng bút Hán Nôm là những thể loại cơ bản của hệ thống thể loại văn học có trong văn học thời kỳ này. Đa phần các thể loại đều được sử dụng cho cả Hán văn và văn Nôm. Do tính đặc thù của mình, trong kinh giảng bút còn sử dụng nhiều thể loại có tính hành chính nghi thức như: *dụ, thị, chiếu*. Việc sử dụng văn Nôm trong một số thể loại có tính quyền uy như thế ở một mức độ nhất định cho phép nhận xét đến sự phát triển về chức năng của các thể loại trong kinh giảng bút.

11. Kinh giảng bút của Thiện đàn mang trong mình giá trị nhiều mặt do hoàn cảnh lịch sử và môi trường tạo nên chúng. Một là giá trị tư liệu của nó. Giá trị tư liệu được thể hiện qua các đơn vị số lượng Thiện đàn và số lượng kinh giảng bút cũng như các vấn đề được văn bản hóa và thể thức ngôn ngữ, thể loại được sử dụng.

12. Giá trị về nội dung được thể hiện trên các phương diện khuyến thiện, đề cập đến hiện trạng xã hội và đất nước đương thời, đề cập đến các vấn đề như: văn hóa đạo cương thường, đề cao dân trí cũng như hướng về lịch sử hào hùng. Qua đó, thắt chặt tinh đoàn kết, thúc giục tinh thần yêu nước, quật khởi của dân tộc Việt Nam trước thời cuộc bấy giờ theo cách làm và cách nói của Thiện đàn. Kinh giảng bút Hán Nôm của Thiện đàn theo tiến trình thời gian đã hướng nhiều đến người phụ nữ. Mức độ hướng vào đối tượng là người phụ nữ của kinh giảng bút vượt hẳn những văn bản nữ huấn vốn hạn chế trong các gia đình dòng tộc mà sự huấn dạy của các đức Thánh Mẫu đối với phụ nữ đã mở rộng về phương diện xã hội đến đông đảo nữ giới nói chung.

13. Cả hai hệ thống ngôn ngữ văn tự: Hán văn và quốc văn Nôm đều được sử dụng trong kinh giảng bút của Thiện đàn. Lúc đầu kinh giảng bút của Thiện đàn chủ yếu dùng Hán văn với các lời giảng của Tam Thánh (*Văn Xương Đế Quân, Quan Đế, Lã Tổ*) vốn được sưu tập từ các nguồn khác nhau. Điều này làm cho kinh giảng bút của Thiện đàn có quan hệ chặt chẽ với Thiện thư. Càng về sau, kinh giảng bút càng sử dụng nhiều quốc âm/Nam âm hơn. Điều này làm nên xu thế phát triển của quốc văn Nôm trong kinh giảng bút.

14. Giá trị quốc văn Nôm được thể hiện trên nhiều phương diện. Về phương diện nội dung, quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn gắn liền với các vấn đề có tính thời sự của đất nước. Về phương diện đối tượng hướng vào, nó hướng tới số lượng đông đảo các thiện nam, tín nữ. Về phương diện thể loại, quốc văn Nôm trong kinh giảng bút của Thiện đàn không chỉ tạo nên sự tương ứng với Hán văn, biểu thị khả

năng có thể tương ứng và có khả năng thay chỗ các thể loại của Hán văn mà còn đẩy mạnh sự phát triển của mình khi hướng vào phát triển văn xuôi ở các thể loại có tính nghi thức quyền uy như: *tự, dụ, bạt* v.v...

15. Đề tài sẽ là cơ sở cho những nghiên cứu về các phương diện như: nghiên cứu về ngôn ngữ văn tự; nghiên cứu về văn hóa xã hội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; nghiên cứu về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng cũng như giáo dục, lòng yêu nước thời bấy giờ.